

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT RẦY TRUYỀN THỐNG Ở CÁC DÂN TỘC TẠI CHỖ CỦA TÂY NGUYÊN

BÙI MINH ĐẠO

Tây Nguyên hiện có 12 thành phần dân tộc tại chỗ, với dân số đến cuối năm 1998 xấp xỉ 1,0 triệu người.

Một trăm năm trước, các dân tộc tại chỗ còn là chủ nhân duy nhất của mảnh đất Tây Nguyên. Giờ đây, do kết quả của quá trình gia tăng dân số ồ ạt từ sau 1975, họ chỉ còn chiếm tỉ lệ chưa đến 1/3 trên tổng dân số hơn 3,7 triệu người trong vùng.

Dù thuộc nhiều thành phần dân tộc khác nhau, có ngôn ngữ, văn hoá và đời sống khác nhau, nhưng về mặt sản xuất, trên đại thể, trong trường kỳ lịch sử, có thể nói, các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên đều là, hay vốn là những cư dân nương rẫy.

Có thể nói, các cư dân đồng bằng làm ruộng nước thành thực thể nào thì các cư dân tại chỗ Tây Nguyên làm rẫy thành thực như thế. Nói cách khác, người Việt tích lũy được những kinh nghiệm trong việc canh tác đất bằng phong phú như thế nào thì các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên tích lũy được những kinh nghiệm canh tác đất dốc phong phú như thế.

Hiện nay, vẫn đang tồn tại ở không ít người định kiến chủ quan và ngộ nhận cho rằng, trong các hình thức trồng trọt hiện có của nhân loại, nương rẫy dã và đang là hình thức canh tác lạc hậu và thấp kém nhất. Ở Châu Mỹ, người ta đã phát hiện ra nền văn minh của các bộ lạc Mai-a tồn tại cách nay hàng ngàn năm. Nền văn minh này hình thành và phát triển trên cơ sở canh tác đất dốc, không thua kém bao nhiêu so với các nền văn minh dựa trên cơ sở canh tác đất bằng đương thời (1). Ngay ở Tây Nguyên thôi, vào đầu thế kỷ XX, khi mà kỹ thuật làm ruộng còn thấp và người còn thưa, đất, rừng còn rộng, nương rẫy ở nhiều vùng đã tỏ ra ưu việt hơn hay ít nhất không kém ruộng nước cả về năng suất lẫn giá trị ngày công lao động (2). Tóm lại, khác với nhiều người quan niệm, kỹ thuật canh tác nương rẫy ở Tây Nguyên nói riêng và miền núi nói chung không phải lúc nào cũng thô sơ và thấp kém, cũng như phương thức canh tác đất dốc không phải lúc nào cũng gắn với nghèo nàn, lạc hậu.

Nói như thế hoàn toàn không có nghĩa là muốn biện minh cho sự tiếp tục hiện tồn của hình thức canh tác nương rẫy ở các vùng miền núi. Đến những thập niên hiện tại, nương rẫy đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó. Trong điều kiện dân cư và sản xuất mới, cũng như gắn với nhu cầu bảo vệ tài nguyên và môi sinh, hình thức canh tác nương rẫy đã trở nên lỗi thời, cần cải tạo và từng bước xoá bỏ.

Nhưng đó là lĩnh vực khác và sẽ được bàn ở chỗ khác. Gắn với vấn đề đã nêu, bài viết này xin trình bày một số tri thức địa phương trong việc quản lý và sử dụng hợp lý và hiệu quả đất rẫy ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên. Nói tri thức địa phương là nói đến những kinh nghiệm của người dân tại chỗ, những kinh nghiệm có được do tích lũy nhiều đời, những kinh nghiệm mà người dân từ nơi khác mới đến không có hay chưa có được.

1. Tri thức địa phương trong việc quản lý hiệu quả đất rẫy của cộng đồng làng

Trong xã hội truyền thống, ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên, chưa có sở hữu đất đai nhà nước, mà chỉ mới tồn tại sở hữu đất đai tập thể của cộng đồng làng. Trách nhiệm quản lý và phân

phối đất canh tác, vì vậy cũng thuộc về cộng đồng làng. Xin nhấn mạnh rằng, trách nhiệm đó chỉ thuộc cộng đồng làng chứ không khi nào thuộc cá nhân hộ gia đình.

Trong các cuộc dời cư của mỗi làng ở Tây Nguyên, một trong những việc phải làm trước tiên, nói theo ngôn từ phổ thông, là quy hoạch đất đai, trong đó có đất đai để canh tác rẫy, cho làng mới. Công việc này do tập thể làng, đại diện là các già làng quyết định và tiến hành, trên cơ sở bàn bạc dân chủ và dựa vào các kinh nghiệm, tập tục đã có. Theo đó, thường thì đất làm rẫy của làng được quy hoạch thành một khu riêng, có tên gọi xác định. Mọi trường hợp làm rẫy trên khu đất khác đều bị coi là không theo quy định và bị làng xử lý theo luật tục. Khu đất dành cho làm rẫy này thường bảo đảm những yêu cầu chung tối thiểu sau:

- + Nằm ở phía dưới và bên ngoài khu rừng đầu nguồn, là khu rừng cấm, đặc biệt cần được bảo vệ, nơi từ đó có nguồn nước ăn chảy xuống, nơi chỉ được phép lấy gỗ làm cột nhà, làm thuyền hay làm áo quan. Theo quan niệm của nhiều dân tộc, khu rừng này được gọi là rừng thiêng, nơi trú ngụ của các thần linh, chặt phá hàng loạt và đốt lửa trên đó là xúc phạm thần linh, sẽ gây mất mùa, dịch bệnh và cháy làng

- + Không gần làng quá để tránh hỏa hoạn khi đốt rẫy và hạn chế gia súc phá rẫy

- + Nằm ven các sông suối, thuộc nửa dưới của các sườn núi và cao nguyên, không làm trên cao và đỉnh núi để bảo vệ đất, rừng

- + Có diện tích đủ để các hộ gia đình trong làng quay vòng đất rẫy theo lối luân khoảnh khép kín

- + Có độ dốc vừa phải để duy trì năng suất cây trồng, đồng thời, hạn chế xói mòn đất do mưa

- + Trong trường hợp có thể, ở những vùng có địa hình hiểm trở, chẳng hạn, Bắc Tây Nguyên, khu đất làm rẫy được hoạch định trên những sườn núi hướng về phía đông, nhằm giúp cây trồng đón ánh nắng mát dịu buổi sáng và hạn chế bị bốc hơi nước do ánh nắng gay gắt buổi chiều

Ở hầu hết các dân tộc Tây Nguyên đều có những quy định hết sức cụ thể và chi tiết nói về vai trò quản lý và bảo vệ đất canh tác của cộng đồng. Chẳng hạn, trong bộ Luật tục Ê đê có hẳn một chương với 8 điều liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai của cộng đồng. Các quy định này đang tồn tại dưới dạng luật tục thực hành xã hội. Một phần của nó được sưu tầm và văn bản hoá trong các bộ luật tục đã công bố (3); hay rải rác trong bộ Luật tục Mnông cũng có 12 điều nói về quy định và thiết chế quản lý và sử dụng đất rẫy của làng. Theo đó, dân làng nghiêm cấm và phạt nặng các tội mua bán, lấn chiếm, bỏ hoang đất rẫy, đốt rẫy làm cháy rừng, cháy làng, khai phá đất rẫy ở nơi không đúng quy định, lấy cắp hoa lợi hay để gia súc phá hoại trên rẫy người khác,...

Trong thiết chế xã hội truyền thống, mỗi làng Tây Nguyên xưa đều có một người phụ trách về đất đai gọi là chủ rừng hay chủ đất. Nhiệm vụ của chủ rừng hay chủ đất là thay mặt dân làng trông nom, theo dõi việc quản lý và sử dụng đất đai theo phong tục của các hộ gia đình trong cộng đồng. Vai trò quản lý và bảo vệ đất rẫy của chủ đất hay chủ rừng ở mỗi làng đặc biệt rõ nét tại các dân tộc Ê đê, Gia rai và Mnông. Ở người Ê đê và Gia rai, chủ đất đôi khi còn là người nắm thần quyền của cộng đồng, trông nom và cai quản đất đai không phải của một làng, mà còn của nhiều làng. Vào những dịp nhất định trong năm, ông này có nhiệm vụ đi kinh lý khắp các làng để xem xét việc khai thác và sử dụng đất đai. Theo những tài liệu còn biết được, trước đây, ở mỗi làng Mnông, hàng năm, chủ rừng và hội đồng già làng đứng ra trực tiếp phân phối đất làm rẫy theo sơ đồ cho từng hộ gia đình. Ông ta chính là người có nhiệm vụ lấy lửa thiêng trong tự

nhiên để các hộ gia đình mang về đốt rẫy. Đất rẫy của các hộ gia đình trong làng thường nằm liền hoàn trong một khu để tiện việc quản lý và giúp đỡ nhau.

Những tập quán, thiết chế và quy định của cộng đồng làng nói trên là những tri thức địa phương có vai trò không thể thiếu nhằm quản lý và bảo vệ đất rẫy ở các dân tộc Tây Nguyên.

2. Tri thức địa phương trong việc sử dụng hợp lý và hiệu quả đất rẫy của người dân

Ở các dân tộc Tây Nguyên, nếu như việc quản lý đất rẫy chủ yếu thuộc về tập thể cộng đồng làng, thì việc sử dụng đất rẫy chủ yếu thuộc về người dân. Tuy vậy, những tri thức địa phương nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả đất rẫy- kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm nhiều đời - không phải của riêng từng gia đình, từng làng, mà trở thành của chung cả một dân tộc hay cả một vùng dân tộc.

Trong khuôn khổ có hạn của bài viết, xin chỉ nêu ra mà không phân tích một số tri thức địa phương đặc trưng nhất nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả đất rẫy ở các tộc người tại chỗ Tây Nguyên như sau:

2.1. Chọn rẫy ở những nơi có:

- Độ dốc thấp.
- Hình thể đất ít lồi lõm.
- Cây to vừa phải.
- Gần nước, ẩm độ cao.
- Đón nắng buổi sáng, khuất nắng buổi chiều.

2.2. Thực hiện phân công theo giới (nam chặt cây to và chọc lỗ, nữ chặt cành và bỏ hạt) và làm tập thể theo lối vân công, đổi công giữa các hộ gia đình trong các công đoạn phát rẫy và trả rẫy nhằm:

- Khắc phục tình trạng lao động nam nữ không đều ở các hộ gia đình - Bảo đảm rẫy khô đều, có thể đốt trong cùng một thời điểm, cũng như lúa có thể chín đều và thu hoạch trong cùng một thời điểm.

2.3. Trong khi phát rẫy, bót lại một số cây rừng để sau này làm bóng mát cho lúa, hạn chế quá trình bốc hơi nước của lúa trong điều kiện bức xạ ánh sáng cao ở Tây Nguyên

2.4. Sau khi phát rẫy, dọn một phần cây xung quanh rẫy đưa vào trong, tạo đường biên để tránh cháy lan ra rừng trong khi đốt

2.5. Chỉ phát và đốt rồi dùng gậy chọc lỗ, tra hạt. Tuyệt đối không thực hiện các tác động cơ học vào đất như cuốc, cày, xới, đào, nhằm mục đích vừa hạn chế tối đa xói mòn đất do mưa, vừa bảo đảm để cây trồng có năng suất khả quan.

2.6. Thực hiện xen canh đồng thời nhiều loại cây trồng trên rẫy (lúa, ngô, bông, cà, ớt, thuốc lá, bầu, bí, rau) nhằm:

- + Tiết kiệm đất
- + Hạn chế xói mòn đất do mưa
- + Nâng cao hiệu quả sử dụng đất (có được khối lượng lớn nhất sản phẩm trồng trọt trên một đơn vị diện tích trồng trọt)
- + Cùng một lúc, có được nhiều loại sản phẩm trồng trọt, phù hợp với cuộc sống tự cấp tự túc tại chỗ

2.7. Thực hiện luân canh trên mỗi đám rẫy, theo trình tự: Năm đầu đất còn tốt, trồng lúa; năm thứ hai đất đã giảm độ phì trồng lúa xen ngô; năm thứ ba, nếu còn canh tác, do đất đã bạc màu, trồng ngô xen lúa hay sắn. Năm thứ tư bỏ hoá.

2.8. Quay vòng đất rẫy theo lối luân khoảnh khép kín, trong đó, mỗi đám rẫy chỉ được canh tác một năm (trước kia) hay hai, ba năm (ngày nay) rồi bỏ hoá, chuyển sang các đám rẫy khác, để rồi 10 đến 15 năm sau, khi rừng đã mọc tốt, mới khai phá trở lại. Mục đích của quay vòng rẫy luân khoảnh khép kín nhằm:

- + Không làm mất khả năng tái sinh rừng của đất
- + Khai thác hợp lý độ phì và chất dinh dưỡng của đất
- + Bảo đảm để có năng suất cây trồng cao và ít bấp bênh
- + Hướng tới định cư, hạn chế du cư
- + Duy trì và bảo vệ môi trường sinh sống

2.9. Xác định nông lịch làm rẫy và các thời điểm bắt đầu các công việc quan trọng trên rẫy (đốt rẫy, tria lúa, thu hoạch) phù hợp với thời tiết và khí hậu địa phương, chủ yếu căn cứ vào việc xem xét sự biến đổi tuần hoàn và có quy luật trong năm của các sinh vật và hiện tượng trong tự nhiên như cỏ cây, côn trùng, trăng sao, mây, nước.

*

* *

Những tri thức địa phương nhằm sử dụng hợp lý và có hiệu quả đất rẫy của người dân Tây Nguyên nói trên chỉ tồn tại và thích dụng trong điều kiện đất còn rộng, người còn thưa trước đây. Ngày nay, do hệ quả của quá trình dân số tăng nhanh theo cả hai hướng tự nhiên và cơ học, do hệ quả của quá trình khai thác đất, rừng ô ạt, thiếu kế hoạch của nhiều thành phần cư dân khác nhau, đặc biệt, do nhu cầu bảo vệ tài nguyên và môi sinh trong điều kiện mới, hệ canh tác nương rẫy truyền thống, trong đó có những tri thức địa phương nhằm thích ứng với tự nhiên của người dân Tây Nguyên nói trên đã dần dần mất cơ sở tồn tại. Mặc dù vậy, những tri thức đó là di sản hết sức quý giá. Nó không chỉ làm phong phú kho tàng kinh nghiệm sản xuất và văn hoá sản xuất của các dân tộc, mà còn là một trong những cơ sở giúp cho việc cải tạo, kế thừa và chuyển đổi nền trồng trọt của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên từ sản xuất tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá, góp phần vào việc duy trì và bảo vệ tài nguyên môi sinh

Tài liệu tham khảo

- (1). Xem. S.A. Sê mê nốp, *Phương pháp phát và đốt*, Tài liệu dịch, Thư viện Viện Dân tộc học. D156, Tr. 3.
- (2). Vấn đề này đã được G. Công đô mi nát nêu ra và chứng minh bằng những tài liệu đầy thuyết phục khi nghiên cứu về nông nghiệp của người Mnông Gar. Xem. G. Công đô mi nát, *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Văn Hoá, 1997, Tr. 206
- (3). Xem. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn (Sưu tầm và biên soạn), *Luật tục Ê đê (Tập quán pháp)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
- (4). Xem. Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, *Luật tục Mnông (Tập quán pháp)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998